TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 482/2024/DSST
Ngày: 02/12/2024
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

Bà **Trần Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Qúi** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn**: Nguyễn Văn H** sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn**: Nguyễn Thị L,** sinh năm 1967.

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Ngọc Mỹ A, sinh năm 1993

2/ Nguyễn Ngọc Hồng M, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Nguyễn Ngọc H: Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Mỹ A, Nguyễn Ngọc Hồng M.

(Ông H, bà L có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ông H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Ngọc H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà H chung sống có hai người con gồm Nguyễn Ngọc Hồng M, sinh năm 1989 và Nguyễn Ngọc Mỹ A, sinh năm 1993, cùng ngụ ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang. Cha và mẹ của bà H đã chết hết.

Trước đây bà H có nợ tiền của bà L, bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giải quyết, theo Quyết định của Tòa án thì bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 25.000.000đồng. Sau đó bà H có trả cho bà Loan số tiền 25.000.000đồng, hai bên có viết giấy nhận tiền thể hiện bà H trả cho bà L số tiền 25.000.000đồng theo Quyết định số 397/2023/QĐST-DS nhưng sáu đó bà L nhận tiếp của bà H số tiền 30.000.000đồng, bà L có viết giấy nhận tiền với số tiền 30.000.000đồng. Hai tờ giấy viết nhận tiền 25.000.000đồng và 30.000.000đồng viết cùng thời điểm (cùng lúc, cùng ngày, cùng giờ). Như vậy, theo Quyết định của Tòa án thì bà L nhận hai lần tiền với tổng số tiền 55.000.000đồng nên bà L có nghĩa vụ trả lại 30.000.000đồng. Thời điểm bà H trả tiền là thời điểm bà H chớm bệnh tâm thần đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa Chợ Gạo và Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang. Bà H chỉ nợ bà L duy nhất số tiền 25.000.000đồng, ngoài ra không còn nợ số tiền nào khác.

Bà H chết ngày 26/4/2024 nên ông là người thừa kế bà H yêu cầu bà L trả số tiền 30.000.000đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bà L trình bày:

Trước đây bà H nợ bà số tiền 30.000.000đồng do không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giải quyết. Trong quá trình giải quyết thì hai bên thỏa thuận bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 25.000.000đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 397/2023/QĐST-DS ngày 03/11/2023. Sau đó, bà yêu cầu thi hành án thì giữa bà, bà H thảo thuận bà H trả cho bà số tiền 21.000.000đồng, bà đã cho bà H tổng cộng 9.000.000đồng, bà có làm giấy nhận số tiền 21.000.000đồng. Khi ra khỏi Thi hành án thì bà H theo bà và xin lại tờ giấy nhận tiền của bà giữ. Sau đó, bà H xuống chổ bà bán trái cây kiêu bà viết lại tờ giấy nhận tiền với số tiền 30.000.000đồng, bà đã viết lại tờ giấy nhận đủ số tiền 30.000.000đồng, bà H nói rằng viết đủ số tiền 30.000.000đồng để đưa cho chồng bà H coi vì chồng bà chửi bà.

Nay, bà không đồng ý trả số tiền 30.000.000đồng, bà không có nhận tiền 30.000.000đồng, hơn nữa cùng một thời điểm bà H đâu có khùng mà trả bà 02 lần tiền và phải kiêu bà viết giấy nhận tiền. Bà H từ trước đây nay bà minh mẫn, sáng suốt, không có bệnh tâm thần gì hết.

* Theo bản tự khai, chị Mỹ A và chị Hồng M cùng trình bày:

Khi mẹ hai chị là bà H còn sống và bà L có quan hệ vay mượn tài sản với nhau vụ việc đã được giải quyết tại Tòa án theo Quyết định số 397/2023/QĐST-DS ngày 03/11/2023 và tại Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Tây bằng Quyết định số 131/QĐCCTHADS ngày 24/11/2023 và giấy giao nhận tiền do bà H viết tay có chữ ký hai bên theo quyết định của Tòa án vào ngày 27/11/2023 với số tiền 25.000.000đồng. Lợi dụng lúc mẹ chị tinh thần hoản loạn không làm chủ được bản thân nên bà L đã lường gạt mẹ chị giao cho mình số tiền 30.000.000đồng với lý do số tiền này thưa trong Tòa án bằng giấy giao nhận tiền do bà L viết tay ngày

27/11/2023 có chữ ký hai bên.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L là tranh chấp đòi tài sản được xem xét giải quyết theo theo Điều 166 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Mỹ A và chị Nguyễn Ngọc Hồng M có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp tiến cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H yêu cầu bà L trả lại số tiền 30.000.000đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, Bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Bà H chết ngày 22/4/2024. Hàng thừa kế của bà H gồm: ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc Mỹ A và chị Nguyễn Ngọc Hồng M. Khi bà H còn sống có nợ bà L số tiền 30.000.000đồng theo đơn khởi kiện của chị L ngày 02/10/2023. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 397/2023/QĐST-DS ngày 03/11/2023 thì bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 25.000.000đồng, trả vào ngày 30/11/2023. Đến ngày 27/11/2023 thì bà H có trả cho bà L số tiền 25.000.000đồng theo tờ giấy thể hiện nội dung *"theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 397/2023/QĐST-DS. Tôi tên Nguyễn Ngọc H hôm nay ngày 27/11/2023 có trả số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu) cho chị Nguyễn Thị L đúng theo Quyết định của Tòa án"*.

Ông H cho rằng theo nội dung này thì bà H đã trả tiền cho bà L xong rồi nhưng sau đó bà L tiếp tục nhận của bà Hà số tiền 30.000.000đồng theo giấy nhận tiền ngày 27/11/2023 nên bà L có nghĩa vụ trả lại số tiền này. Bà L cho rằng không có nhận số tiền 30.000.000đồng, số tiền 30.000.000đồng theo giấy nhận tiền ngày 27/11/2023 là do bà H yêu cầu bà viết lại đúng với số tiền theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023. Lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H là không có cơ sở bởi lẽ, tờ giấy viết nhận số tiền 25.000.000đồng nêu trên bà H trả tiền cho bà L theo Quyết định của Tòa án và giấy nhận tiền ngày 27/11/2023 cũng được viết với nội dung bà H trả tiền cho bà L với số tiền 30.000.000đồng, theo biên bản hòa giải ngày 30/10/2024 ông H cho rằng bà H trả số tiền 25.000.000đồng và

30.000.000đồng cùng thời điểm trong khi đó bà H chỉ nợ bà L số tiền 25.000.000đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và thời điểm ngày 27/11/2023 bà H là người minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H được miễn nộp tạm ứng án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng chị Mỹ A, chị Hồng M kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô.